

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DS-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đào**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2021/TLST – DS ngày 09 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST – DS ngày 14 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-DS ngày 14/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 17/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh T**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Huỳnh Xuân D**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh L**

Bà **Trần Thị N**

Cùng địa chỉ: Ấp 24, xã P, thị xã G, tỉnh B.

(Bà T có mặt; ông L và bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hộ kinh doanh T (người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Ngọc T) trình bày:

Vào năm 2014 Hộ Kinh doanh T có bán thức ăn nuôi tôm và các loại Tắc thủy sản cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N. Hai bên thỏa Tận thời hạn trả tiền là khi nào ông L, bà N T hoạch tôm, việc mua bán và thời hạn trả tiền các bên chỉ thỏa Tận miệng, không lập thành văn bản.

Do ông L và bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khi T hoạch tôm không thanh toán dứt điểm công nợ. Nên ngày 09/6/2014 Hộ kinh doanh T đã cắt hàng và chấm dứt giao dịch với ông L và bà N với công nợ còn lại là 326.431.000đ. Chi tiết nội dung mua bán và giao nhận hàng đã được ghi cụ thể trong sổ mua hàng mà T cung cấp kèm theo đơn khởi kiện.

Ngày 09/6/2014 ông L và bà N trả lại các loại Tắc thủy sản và thức ăn cho T nên được trừ đi công nợ 12.371.000đ và có trả thêm số tiền 115.000.000đ.

Ngày 31/5/2016, hai bên xác nhận công nợ ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N còn nợ T số tiền 199.060.000đ. Hộ kinh doanh T cho nhân viên gặp trực tiếp ông L, bà N để T hỏi nợ nhưng ông L, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Nay, Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N trả số nợ vốn là 199.060.000đ và tiền lãi trậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N:

Sau khi tiến hành thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L và bà N theo quy định của pháp luật, nhưng ông L và bà N không có mặt nên Tòa án không thể làm việc được với ông L và bà N. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L và bà N theo quy định tại Điều 178, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ LTTDS. Từ khi thụ lý đến phiên Tòa hôm nay nguyên đơn (người đại diện bà Lê Thị Ngọc T) đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ LTTDS 2015. Bị đơn ông L và bà N vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên Tòa hôm nay. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông ông L, bà N là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ LTTDS 2015.

Về nội dung vụ án: Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả số tiền 199.060.000đ cho Hộ kinh doanh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N theo quy định của pháp luật, nhưng ông L và bà N cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể làm việc được với ông L và bà N. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh L và anh bà Trần Thị N theo quy định tại các Điều 178 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung: Hợp đồng mua bán mua bán giữa Hộ kinh doanh T và ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N là có xảy ra trên thực tế. Phía hộ kinh doanh T đã giao hàng đầy đủ hàng theo yêu cầu. Ngày 09/6/2014 T đã chấm dứt việc giao dịch mua bán với ông L và bà N. Công nợ còn lại 326.431.000đ, ngày 31/5/2016 hai bên xác nhận lại công nợ ông L bà N còn nợ T số tiền 199.060.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N nhận các văn bản tố tụng do Tòa án Tổng đạt và nhận thay ông L. Nhưng bà N và ông L không có mặt theo giấy triệu tập, Tòa án có xuống địa phương để xác minh nhưng ông L, bà N không hợp tác từ chối cung cấp lời khai. Điều này chứng minh việc ông L và bà N biết việc Hộ Kinh doanh Tân

QuangMinh yêu cầu ông bà có nghĩa vụ trả nợ mua bán thức ăn nuôi còn nợ lại, nhưng ông L và bà N cố tình trốn tránh, không hợp tác.

Do đó, Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N trả số nợ 199.060.000đ là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử đủ căn chấp nhận theo yêu cầu của Hộ kinh doanh Tân Quang Minh. Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N trả số nợ gốc là 199.060.000đ cho Hộ kinh doanh T.

[4] Xét phần trình bày ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N phải nộp là 9.953.000đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G khi án có hiệu lực pháp luật . Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 7.000.000đ, lai T số 0001857 ngày 09/7/2020 của Hộ kinh doanh T tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được hoàn lại đủ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 178; Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 357, 430, 433, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T đối với ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh T số tiền nợ là 199.060.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ

bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị N phải nộp 9.953.000đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G khi án có hiệu lực pháp luật. Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 7.000.000đ, lai T số 0001857 ngày 09/7/2020 của Hộ kinh doanh T tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được hoàn lại đủ.

3. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

- Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Bạc Liêu;
- + VKSND thị xã G;
- + Chi cục THADS huyện G;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phai

